

TÌM HIỂU VIỆC BIÊN SOẠN TỪ ĐIỂN CHUYÊN NGÀNH THAM VẤN TÂM LÝ (NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP CÔNG TRÌNH *THE COUNSELING DICTIONARY*)

LÊ THỊ HẢI CHI*

Tóm tắt: *The Counseling Dictionary* (Từ điển Tham vấn) (tái bản lần thứ tư) của tác giả Samuel T. Gladding là một công trình tra cứu, cung cấp tri thức tổng hợp về lĩnh vực Tham vấn tâm lý. Bài viết tìm hiểu cấu trúc vĩ mô và cấu trúc vi mô của công trình *The Counseling Dictionary*, từ đó đưa ra một số nhận xét về công trình này và ứng dụng để xây dựng mô hình biên soạn từ điển chuyên ngành Tham vấn tâm lý ở Việt Nam.

Từ khóa: Từ điển, Tham vấn tâm lý, *The Counseling Dictionary*.

Abstract: *The Counseling Dictionary* (fourth edition) by Samuel T. Gladding is a reference work, providing general knowledge of Psychological Counseling. The article explores the macro- and micro-structure of *The Counseling Dictionary*, thereby providing some comments on this work and its application for building a model of compiling a psychological counseling dictionary in Vietnam.

Keywords: Dictionary, Psychological Counseling, *The Counseling Dictionary*.

1. Đặt vấn đề

Từ điển Tâm lý học nói chung và từ điển Tham vấn tâm lý nói riêng là loại từ điển thông dụng, hữu ích và là loại công trình tra cứu quan trọng phục vụ cho quá trình học tập, giảng dạy và nghiên cứu về lĩnh vực Tâm lý

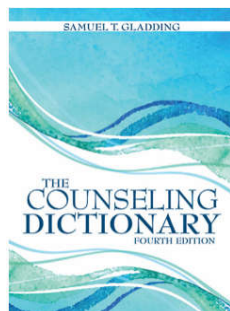
học và chuyên ngành Tham vấn tâm lý. Bài viết tập trung tìm hiểu về cách thức biên soạn và cấu trúc của công trình *The Counseling Dictionary* (Từ điển Tham vấn) (tái bản lần thứ tư) [6] của tác giả Samuel T. Gladding, xuất bản năm 2018. Từ đó đưa ra một số nhận xét tổng thể về công trình này và ứng dụng để xây dựng mô hình biên soạn từ điển chuyên ngành Tham vấn tâm lý ở Việt Nam.

2. Cấu trúc của công trình *The Counseling Dictionary*

2.1. Cấu trúc vĩ mô

Công trình *The Counseling Dictionary* (Từ điển Tham vấn) do tác giả Samuel T. Gladding biên soạn, tái bản lần thứ tư vào năm 2018, gồm các phần: Preface (Lời nói đầu); Acknowledgments (Lời cảm ơn); About the Author (Giới thiệu về tác giả); Dictionary Terms (Từ điển Thuật ngữ); Appendix A: Prominent Names in the Counseling Profession (Phụ lục A: Những tên tuổi nổi bật trong ngành Tham vấn); Appendix B: Marker Events in the History of Counseling and the American Counseling Association (Phụ lục B: Những sự kiện đánh dấu trong lịch sử ngành Tham vấn và Hiệp hội Tham vấn Hoa Kỳ); Appendix C: Self-

* TS - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam; Email: lehaichi.ico@gmail.com



Help Group Organizations (Phụ lục C: Các tổ chức nhóm tự trợ giúp).

Phần **Dictionary Terms** (Từ điển Thuật ngữ) cung cấp 3.286 mục từ, gồm những mục từ về khái niệm, thuật ngữ,

phạm trù cơ bản và thông dụng nhất, có tần suất sử dụng nhiều nhất trong lĩnh vực Tham vấn tâm lý; những mục từ về học thuyết, trường phái, khuynh hướng; tác phẩm, sách báo, tạp chí, tài liệu, phim ảnh; quy tắc đạo đức, đạo luật, dự luật; phương pháp nghiên cứu/đánh giá, bài kiểm tra, trắc nghiệm, thang đo nổi bật trong lĩnh vực Tham vấn tâm lý; những mục từ về tổ chức tiêu biểu có nhiều đóng góp quan trọng cho sự phát triển của lĩnh vực Tham vấn tâm lý. Các mục từ được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Anh, được định nghĩa rõ ràng, ngắn gọn và thông tin được cập nhật.

Phần **Appendix A: Prominent Names in the Counseling Profession** (Phụ lục A: Những tên tuổi nổi bật trong ngành Tham vấn) cung cấp 254 tên tuổi nổi bật trong ngành Tham vấn với những thông tin về năm sinh - năm mất kèm lời giới thiệu ngắn gọn về tiểu sử nghề nghiệp, nêu bật những đóng góp chuyên môn của các nhà tham vấn nổi tiếng, cả trong lịch sử lẫn đương đại.

Phần **Appendix B: Marker Events in the History of Counseling and the American Counseling Association** (Phụ lục B: Những sự kiện đánh dấu trong lịch sử ngành Tham vấn và Hiệp hội Tham vấn Hoa Kỳ) cung cấp những thông tin khái quát và hữu ích về 13 sự kiện nổi bật, mang tính đánh dấu trong quá trình hình thành và phát triển ngành Tham vấn và Hiệp hội Tham vấn Hoa Kỳ.

Phần **Appendix C: Self-Help Group Organizations** (Phụ lục C: Các tổ chức nhóm tự trợ giúp) cung cấp thông tin liên hệ

toàn diện của 68 nhóm tự lực và tổ chức trợ giúp nổi tiếng ở Hoa Kỳ, với những thông tin về chức năng, nhiệm vụ, địa chỉ, điện thoại và trang web (nếu có) của các tổ chức này.

Như vậy, công trình *The Counseling Dictionary* cung cấp 3.852 mục từ, cụ thể: 3.286 mục từ trong phần Từ điển Thuật ngữ, 254 mục từ trong Phụ lục A, 13 mục từ trong Phụ lục B và 68 mục từ trong Phụ lục C.

2.2. Cấu trúc vi mô

Công trình *The Counseling Dictionary* cung cấp 3.852 mục từ với tám loại hình mục từ, gồm: 1. Loại mục từ về khái niệm, thuật ngữ, phạm trù; 2. Loại mục từ về học thuyết, trường phái, khuynh hướng; 3. Loại mục từ về tác phẩm, sách báo, tạp chí, tài liệu, phim ảnh; 4. Loại mục từ về quy tắc đạo đức, đạo luật, dự luật; 5. Loại mục từ về phương pháp nghiên cứu/đánh giá, bài kiểm tra, trắc nghiệm, thang đo; 6. Loại mục từ về tổ chức; 7. Loại mục từ về nhân vật; 8. Loại mục từ về sự kiện.

2.2.1. Loại mục từ về khái niệm, thuật ngữ, phạm trù

Theo khảo sát của chúng tôi, mục từ về khái niệm, thuật ngữ, phạm trù có 2.785 mục từ (chiếm 72,30%), được cung cấp trong phần **Từ điển Thuật ngữ**. Cấu trúc mục từ như sau: 1. *Từ đầu mục* (tên khái niệm, thuật ngữ, phạm trù); 2. *Giải thích* (định nghĩa theo cách tường giải về khái niệm, thuật ngữ, phạm trù).

Ví dụ:

a priori questions (câu hỏi tiên nghiệm)
Những câu hỏi được đưa ra trước khi đánh giá.

claustrophobia (chứng sợ bị nhốt kín)
Sự sợ hãi quá mức những nơi bị đóng kín như tủ quần áo hoặc phòng không có cửa sổ.

existential counseling (tham vấn hiện sinh)
Một phương pháp tiếp cận đối với lĩnh vực tham vấn nhấn mạnh một triết lý về tầm quan trọng của sự lo lắng, các giá trị, sự tự do và trách nhiệm trong cuộc sống con người và

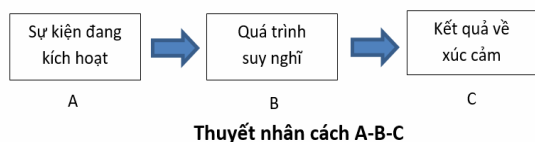
việc tìm kiếm ý nghĩa về sự tồn tại của một cá nhân. Irvin Yalom, Rollo May, Clemmont Vontress và Victor Frankl là những nhà tâm lý học lâm sàng nổi bật theo chủ nghĩa hiện sinh.

2.2.2. Loại mục từ về học thuyết, trường phái, khuynh hướng

Theo khảo sát của chúng tôi, mục từ về học thuyết, trường phái, khuynh hướng có 80 mục từ (chiếm 2,08%), được cung cấp trong phần **Từ điển Thuật ngữ**. Cấu trúc mục từ như sau: 1. *Từ đầu mục* (tên học thuyết, trường phái, khuynh hướng); 2. *Giải thích* (định nghĩa theo cách tường giải về học thuyết, trường phái, khuynh hướng; người sáng lập, khởi xướng (nếu có); hình minh họa (nếu có)).

Ví dụ:

A-B-C theory of personality (Thuyết nhân cách A-B-C) Phương pháp ý niệm hóa nguồn gốc của những cảm xúc con người và những hành vi do những cảm xúc đó gây ra theo liệu pháp hành vi xúc cảm hợp lý của Albert Ellis. Trong mô hình này, A đại diện cho một sự kiện hay trải nghiệm đang kích hoạt, B đại diện cho (những) suy nghĩ hay (những) niềm tin của một người về A, và C thể hiện (những) cảm nhận hay (những) xúc cảm có được từ (những) suy nghĩ ở B. Trong mô hình này, khía cạnh suy nghĩ hay niềm tin xung quanh một sự kiện là rất quan trọng đối với kết quả có hiệu lực. Ví dụ: nếu một người nghĩ họ sẽ bị từ chối khi đề nghị người khác hẹn hò thì họ có thể tránh việc mời người kia đi chơi.



behaviorism (chủ nghĩa hành vi) Một trường phái tư duy xuất hiện ở Mỹ với công trình của John B. Watson. Chủ nghĩa hành vi nhấn mạnh vai trò của kích thích môi trường và tầm quan trọng của phần thưởng trong việc

học tập và điều hòa hành vi.

2.2.3. Loại mục từ về tác phẩm, sách báo, tạp chí, tài liệu, phim ảnh

Theo khảo sát của chúng tôi, mục từ về tác phẩm, sách báo, tạp chí, tài liệu, phim ảnh có 38 mục từ (chiếm 0,99%), được cung cấp trong phần **Từ điển Thuật ngữ**. Cấu trúc mục từ như sau: 1. *Từ đầu mục* (tên tác phẩm, sách báo, tạp chí, tài liệu, phim ảnh); 2. *Giải thích* (nội dung cơ bản, tác giả hoặc người biên soạn (nếu có); tác dụng và ảnh hưởng).

Ví dụ:

Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorders (DSM) (Cẩm nang chẩn đoán và thống kê các chứng rối loạn tâm thần) Sách hướng dẫn chẩn đoán và thống kê về các chứng rối loạn tâm thần do Hiệp hội Tâm thần Hoa Kỳ xuất bản. DSM gồm hơn 400 phân loại các chứng rối loạn khác nhau. Công trình tương thích với *Phân loại Bệnh tật Quốc tế (International Classification of Diseases - ICD)* do Tổ chức Y tế Thế giới xuất bản. DSM được cập nhật và sửa đổi thường xuyên, với các bản sửa đổi của cuốn cẩm nang được xuất bản giữa các lần tái bản. *Cẩm nang chẩn đoán và thống kê các chứng rối loạn tâm thần, Tái bản lần thứ năm*, được xuất bản vào năm 2013.

Gloria Cũng được biết đến với tên *Three Approaches to Psycho-therapy (TAP) (Ba phương pháp tiếp cận tâm lý trị liệu)*. Một bộ phim về lĩnh vực tham vấn do Everett Shostrom sản xuất năm 1964 kể về một bệnh nhân tên là Gloria trong các buổi tham vấn cá nhân cùng với Carl Rogers, Fritz Perls và Albert Ellis.

2.2.4. Loại mục từ về quy tắc đạo đức, đạo luật, dự luật

Theo khảo sát của chúng tôi, mục từ về quy tắc đạo đức, đạo luật, dự luật có 50 mục từ (chiếm 1,30%), được cung cấp trong phần **Từ điển Thuật ngữ**. Cấu trúc mục từ như sau: 1. *Từ đầu mục* (tên quy tắc đạo đức, đạo luật, dự luật); 2. *Giải thích* (nội dung cơ bản,

tác giả hoặc người biên soạn (nếu có); tác dụng và ảnh hưởng).

Ví dụ:

ACA Code of Ethics (Quy tắc Đạo đức Hiệp hội Tham vấn Hoa Kỳ) Bộ quy tắc đạo đức mà mỗi thành viên trong Hiệp hội Tham vấn Hoa Kỳ (American Counseling Association - ACA) phải tuân theo. Bộ quy tắc đầu tiên được Donald Super ban hành vào năm 1961 và đã được sửa đổi 6 lần vào các năm 1974, 1981, 1988, 1995, 2005 và 2014. Bộ quy tắc gồm 9 phần chính: Mối quan hệ tham vấn; Bảo mật và Quyền riêng tư; Trách nhiệm nghề nghiệp; Mối quan hệ với các chuyên gia khác; Đánh giá và Diễn giải; Giám sát, Đào tạo và Giảng dạy; Nghiên cứu và Xuất bản; Tham vấn từ xa, Công nghệ và Truyền thông xã hội; Giải quyết các vấn đề về đạo đức.

Americans With Disabilities Act (ADA) (Đạo luật về người Mỹ bị khuyết tật) Một đạo luật được Quốc hội ban hành năm 1990 nhằm nâng cao nhận thức về nhu cầu của hàng triệu người khuyết tật ở Mỹ. ADA nâng cao những nỗ lực quốc gia hướng đến việc cung cấp nhiều dịch vụ cho những người mắc khuyết tật về tâm thần, hành vi và thể chất. Đạo luật này mở rộng cho người khuyết tật sự bảo vệ và đảm bảo tương tự dành cho người thiểu số trong Đạo luật Dân quyền năm 1964.

2.2.5. Loại mục từ về phương pháp nghiên cứu/đánh giá, bài kiểm tra, trắc nghiệm, thang đo

Theo khảo sát của chúng tôi, mục từ về phương pháp nghiên cứu/đánh giá, bài kiểm tra, trắc nghiệm, thang đo có 108 mục từ (chiếm 2,80%), được cung cấp trong phần **Từ điển Thuật ngữ**. Cấu trúc mục từ như sau: 1. *Từ đầu mục* (tên phương pháp nghiên cứu/đánh giá, bài kiểm tra, trắc nghiệm, thang đo); 2. *Giải thích* (nội dung cơ bản, người phát minh/đề xướng (nếu có); tác dụng và ảnh hưởng (nếu có)).

Ví dụ:

Armed Services Vocational Aptitude Battery (ASVAB) (Bài kiểm tra Năng lực Nghề nghiệp Dịch vụ Quân đội) Một bài kiểm tra về năng lực phức tạp được phát triển đầu tiên vào năm 1966 và được sửa đổi theo định kỳ kể từ đó. ASVAB đo lường năng lực cho các lĩnh vực học thuật nói chung và cho công tác quân sự và dân sự. Bài kiểm tra được sử dụng ở Bậc/Lớp 11 (Grade 11) và cao hơn.

Myers-Briggs Type Indicator (MBTI) (Chỉ báo Loại Myers-Briggs) Trắc nghiệm nhân cách tự thực hiện bằng bút chì và giấy dựa trên học thuyết tâm lý học phân tích của Carl Jung. MBTI được sử dụng rộng rãi trong nhiều bối cảnh khác nhau và cung cấp điểm số dựa trên bốn chiều kích của nhân cách cá nhân: hướng ngoại - hướng nội; cảm giác - trực giác; lý trí - cảm xúc và nguyên tắc - linh hoạt.

2.2.6. Loại mục từ về tổ chức

Theo khảo sát của chúng tôi, mục từ về tổ chức có 293 mục từ (chiếm 7,60%), trong đó có 225 mục từ trong phần **Từ điển Thuật ngữ** và 68 mục từ trong phần **Phụ lục C**. Cấu trúc mục từ như sau: 1. *Từ đầu mục* (tên tổ chức); 2. *Giải thích* (chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động chính; địa chỉ, điện thoại, trang web (nếu có)).

Ví dụ:

International Association for Counseling (IAC) (Hiệp hội Tham vấn Quốc tế) Một tổ chức quốc tế gồm các nhà tham vấn từ khắp nơi trên thế giới, những người mà gặp gỡ nhau ở một hội thảo được tổ chức hàng năm (www.iac-irtac.org).

Al-Anon/Alateen: Một nhóm trợ giúp lẫn nhau tự nguyện dựa trên mô hình 12 bước dành cho họ hàng và con cái của những người lạm dụng rượu. Các thành viên gặp gỡ nhau thường xuyên để đề nghị trợ giúp và thảo luận những vấn đề chung.

Địa chỉ: 1600 Corporate Landing Parkway, Virginia Beach, VA 23454.

Điện thoại: 757-563-1600, Fax: 757-563-1656

Website: www.al-anon.alateen.org.

2.2.7. Loại mục từ về nhân vật

Theo khảo sát của chúng tôi, mục từ về nhân vật có 254 mục từ (chiếm 6,60%), được cung cấp trong phần **Phụ lục A**. Cấu trúc mục từ như sau: 1. *Từ đầu mục* (tên nhân vật); 2. *Giải thích* (năm sinh - năm mất, tiểu sử nghề nghiệp, những đóng góp chuyên môn).

Ví dụ:

Jung, Carl (1875-1961) Người sáng lập phương pháp tiếp cận (phân tích) theo lý thuyết của Jung đối với lĩnh vực tham vấn và trị liệu tâm lý. Jung nhấn mạnh tầm quan trọng của các biểu tượng và xem các biểu tượng như là một sự kết nối giữa nhận thức và vô thức.

Piaget, Jean (1896-1980) Một nhà tiên phong trong nghiên cứu về phát triển nhận thức. Piaget nghiên cứu cách mà trẻ em học hỏi để nhận biết hay hình thành các ý niệm. Ông đã đề xuất 4 giai đoạn: cảm giác vận động, tiền thao tác, các thao tác cụ thể và các thao tác hình thức - qua đó trẻ lần lượt trải qua để đạt đến sự trưởng thành về nhận thức.

2.2.8. Loại mục từ về sự kiện

Theo khảo sát của chúng tôi, mục từ về sự kiện có 13 mục từ (chiếm 0,33%), được cung cấp trong phần **Phụ lục B**. Cấu trúc mục từ như sau: 1. *Từ đầu mục* (tên giai đoạn); 2. *Giải thích* (những sự kiện đánh dấu trong lịch sử ngành Tham vấn và Hiệp hội Tham vấn Hoa Kỳ).

Ví dụ:

1900-1909

Ba nhân vật quan trọng, về cơ bản là không biết nhau, bắt đầu những gì sẽ phát triển thành nghề tham vấn: Frank Parsons, Clifford Beers và Jesse B. Davis.

Parsons, làm việc tại Cục Dạy nghề ở

Boston, tạo ra một quy trình ba bước để lựa chọn một nghề nghiệp, bao gồm: nhận thức về bản thân, nhận thức về các công việc và lý do thực sự để hòa hợp bản thân với một công việc. Ông viết một cuốn sách phổ biến, được xuất bản sau khi ông mất vào năm 1908 với tựa đề *Choosing a Vocation (Lựa chọn nghề nghiệp)*.

Beers, một sinh viên tại Yale, phải nhập viện vì bệnh tâm thần và viết về tình trạng tồi tệ của các bệnh viện tâm thần vào thời điểm đó trong cuốn *A Mind That Found Itself (Một tâm trí đã tìm thấy chính nó)*. Công trình của ông là sự khởi đầu của phong trào chăm sóc sức khỏe tâm thần.

Davis, người quản lý các trường học ở Grand Rapids, Michigan, yêu cầu các giáo viên phải dành một giờ mỗi tuần để hướng dẫn lớp học với trọng tâm là giảng dạy các giá trị và hành vi cần thiết để trở thành một công dân tốt.

Các loại hình mục từ được tổng hợp tại Bảng 1.

Bảng 1. Các loại hình mục từ trong công trình *The Counseling Dictionary*

STT	Loại hình mục từ	Số lượng mục từ	Tỉ lệ %
1	Khái niệm, thuật ngữ, phạm trù	2.785	72,3
2	Học thuyết, trường phái, khuynh hướng	80	2,08
3	Tác phẩm, sách báo, tạp chí, tài liệu, phim ảnh	38	0,99
4	Quy tắc đạo đức, đạo luật, dự luật	50	1,30
5	Phương pháp nghiên cứu/đánh giá, bài kiểm tra, trắc nghiệm, thang đo	108	2,80
6	Tổ chức	293	7,06
7	Nhân vật	254	6,60
8	Sự kiện	13	0,33

Qua Bảng 1 có thể thấy, loại hình mục từ về khái niệm, thuật ngữ, phạm trù có số lượng nhiều nhất với 2.785 mục từ, bảy loại

hình mục từ khác có xuất hiện nhưng với số lượng không đáng kể, trong đó số lượng mục từ về sự kiện chiếm số lượng ít nhất với 13 mục từ. Như vậy, xét về tổng thể, công trình *The Counseling Dictionary* cung cấp 3.852 mục từ với tám loại hình mục từ, trong đó có 3.286 mục từ ở phần Từ điển Thuật ngữ (có 231/3.286 mục từ chuyên chú), 254 mục từ ở Phụ lục A, 13 mục từ ở Phụ lục B và 68 mục từ ở Phụ lục C.

3. Ứng dụng xây dựng mô hình biên soạn Từ điển Tham vấn tâm lý ở Việt Nam

*Biên soạn Từ điển Tham vấn tâm lý*¹ là đề tài cấp Bộ do PGS. TS. Vũ Ngọc Hà làm chủ nhiệm, Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam chủ trì, được thực hiện trong 2 giai đoạn: giai đoạn 1 từ năm 2020 - 2021 (biên soạn được 1.599 mục từ), giai đoạn 2 từ năm 2023 - 2024 (dự kiến biên soạn 1.200 mục từ). Sản phẩm của đề tài sẽ là một nguồn tài liệu tham khảo hữu dụng, đáp ứng nhu cầu tra cứu tham vấn tâm lý ngày càng cao của cộng đồng, đồng thời có thể ứng dụng trong giảng dạy, nghiên cứu và tham vấn chữa trị bệnh tâm lý đang ngày càng gia tăng trong bối cảnh hiện nay. [4, tr.3]

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ của đề tài *Biên soạn Từ điển Tham vấn tâm lý*, việc tìm hiểu về cách thức biên soạn và cấu trúc của công trình *The Counseling Dictionary* (Từ điển Tham vấn) ở trên thật cần thiết. Căn cứ vào bảy loại hình mục từ đã xác định ở giai đoạn 1, đề tài lựa chọn bảng mục từ giai đoạn 2 gồm sáu loại hình mục từ (bỏ loại hình *Lịch sử hình thành phát triển ngành Tham vấn tâm lý*), chú ý đến các loại hình mục từ còn thưa vắng ở giai đoạn 1 như mục từ trường phái, lý thuyết; mục từ nhân danh và đặc biệt là các mục từ về phương pháp nghiên cứu, trắc nghiệm, thang đo trong Tham vấn tâm lý. Những mục từ được lựa chọn có tính mới, tính đặc thù của chuyên ngành Tham vấn tâm lý và đặc biệt chú ý tránh những mục từ trùng

đã biên soạn ở giai đoạn 1. [4, tr.25-26]

Đề tài *Biên soạn Từ điển Tham vấn tâm lý* xác định có sáu loại hình mục từ, gồm: 1. Loại mục từ về thuật ngữ, khái niệm; 2. Loại mục từ về các lý thuyết, trường phái trong Tham vấn tâm lý; 3. Loại mục từ về các tác phẩm Tham vấn tâm lý tiêu biểu; 4. Loại mục từ về tổ chức nghiên cứu và giảng dạy Tham vấn tâm lý danh tiếng; 5. Loại mục từ về các nhà tham vấn tâm lý tiêu biểu trên thế giới và Việt Nam; 6. Loại mục từ về các phương pháp nghiên cứu, thiết kế, thang đo, trắc nghiệm sử dụng trong Tham vấn tâm lý. Từ việc xác định được sáu loại hình mục từ, đề tài tiếp tục xây dựng cấu trúc vi mô cho từng loại hình mục từ nhằm đảm bảo tính thống nhất trong khi thực hiện biên soạn cuốn Từ điển. Các mục từ được biên soạn phải tuân thủ chặt chẽ cấu trúc vi mô của từng thể loại mục từ đã được xác lập và tuân thủ nghiêm túc nguyên tắc, thể lệ biên soạn của cuốn Từ điển. [4, tr.23-25]

Qua việc tìm hiểu về cách thức biên soạn và cấu trúc của công trình *The Counseling Dictionary* (Từ điển Tham vấn), đề tài *Biên soạn Từ điển Tham vấn tâm lý* đã kế thừa cấu trúc vi mô của các loại hình mục từ trong công trình để từ đó xây dựng cấu trúc lý tưởng đối với từng loại mục từ trong *Từ điển Tham vấn tâm lý* (xin xem [4, tr.24-25]).

5. Kết luận

Qua việc tìm hiểu về cách thức biên soạn và cấu trúc của công trình *The Counseling Dictionary* (Từ điển Tham vấn), chúng tôi nhận thấy, việc biên soạn một công trình tra cứu trong lĩnh vực Tham vấn tâm lý ở Việt Nam thật sự cần thiết trong bối cảnh hiện nay. Như vậy, việc triển khai đề tài *Biên soạn Từ điển Tham vấn tâm lý* là một việc làm hữu ích, cần thiết, không chỉ đáp ứng nhu cầu tra cứu của những độc giả quan tâm, mà còn góp phần hệ thống hóa tri thức về lĩnh vực Tâm lý học nói chung và lĩnh → Xem tiếp trang 26